

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày: 24/6/2025.
V/v “*Kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng và bà Đỗ Thị Ái Thương.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S(sau đây viết tắt là S). Địa chỉ: Số 128 N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Đại diện theo pháp luật: Ông T1– Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Bế Văn Kh, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Th, xã H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

* *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(*Nguyên đơn, Bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn trình bày:*

Ngày 28/3/2024 anh Lê Văn T đến S, chi nhánh Hải Dương ký hợp đồng số 2HM240301004NA24X thuê 01 xe mô tô, loại xe HONDA – Wawe A màu đen biển số 34AS-279.10; số khung RLHJA 3933RY614085; số máy JA70E0303693 với giá 7.610.000đ, thời hạn trả là 12 tháng (từ ngày 28/3/2024 đến 28/3/2025); mỗi tháng anh T phải thanh toán là 1.113.000đ. Theo hợp đồng thì S giữ lại đăng ký xe rồi giao chiếc xe máy trên cho anh T sử dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng thì anh T không trả tiền thuê xe mô tô và cũng không trả lại xe máy cho S, mặc dù S đã nhiều lần gọi điện thoại và đến nhà anh T nhưng đều không gặp được anh T.

Nay S khởi kiện, yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ trả lại cho S chiếc xe mô tô nêu trên, trường hợp anh T không trả lại xe thì phải thanh toán số tiền 13.350.000đ

tạm tính đến ngày 18/10/2024. Ngoài ra anh T còn phải tiếp tục trả phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 3% trên dư nợ thực tế do thanh toán không đúng hạn cho đến khi thanh toán xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của S trình bày: Chiếc xe mô tô, loại xe HONDA – Wawe A màu đen biển số 34AS-279.10 là của anh T; S và anh T chỉ ký kết giấy bán xe đối với chiếc xe mô tô trên, không ký kết hợp đồng chuyển nhượng được công chứng theo quy định của pháp luật. Số tiền thực tế anh T được nhận là 7.000.000đ, sau khi ký giấy bán xe thì S không làm thủ tục sang tên, đăng ký theo quy định đối với chiếc xe nêu trên. S đã trả anh T số tiền 7.000.000đ; số tiền 426.000đ là phí trả hồ sơ và 150.000đ là phí đăng ký giao dịch bảo đảm. Thực tế chiếc xe mô tô vẫn là của anh T, S tiến hành thủ tục nêu trên chỉ nhằm mục đích đảm bảo khoản tiền vay. Nếu khách hàng không trả tiền vay thì S yêu cầu bàn giao xe, nếu khách hàng trả tiền vay và tiền lãi thì S sẽ trả đăng ký xe cho anh T. Chiếc xe hiện nay anh T vẫn đang quản lý, sử dụng. Từ khi ký hợp đồng thuê xe thì anh T chưa trả tiền gốc đã vay và tiền phí cùng tiền lãi cho S. Giữa công ty S và anh T không ký hợp đồng vay, không thỏa thuận về lãi suất. Do vậy S xác định việc chuyển nhượng và cho thuê lại chiếc xe mô tô trên là không đúng quy định của pháp luật nên S thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh T phải trả chiếc xe mô tô nêu trên mà chỉ yêu cầu anh T phải trả số tiền đã vay cùng tiền phí là 7.610.000đ và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ thời điểm vay ngày 28/3/2024 cho đến khi tòa án xét xử. Sau khi xét xử anh T không thực hiện trả số tiền đã vay cùng lãi suất cho S thì anh T tiếp tục phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Vì lý do công việc nên S đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

* *Quan điểm của Bị đơn:* Do có nhu cầu vay tiền phục vụ sinh hoạt của bản thân, ngày 28/3/2024 anh đến chi nhánh S để vay số tiền 7.610.000đ. Để đảm bảo khoản vay này thì S yêu cầu anh phải lập hợp đồng bán xe mô tô biển số 34AS-279.10 cho S, sau đó S lập hợp đồng cho anh thuê lại chiếc xe mô tô trên với giá 7.610.000đ trong thời gian 12 tháng; mỗi tháng anh phải trả S số tiền 1.113.000đ vào ngày 28 hàng tháng và S giữ lại giấy chứng nhận đăng ký xe và giao xe cho anh quản lý sử dụng. Sau khi vay S số tiền trên, do khó khăn nên anh không thực hiện được nghĩa vụ trả tiền hàng tháng cho công ty S. Nay công ty S khởi kiện yêu cầu anh phải trả lại chiếc xe nêu trên hoặc trả số tiền 13.350.000đ tính đến ngày 18/10/2024 thì anh cũng nhất trí. Anh đề nghị công ty S tạo điều kiện cho anh trả toàn bộ gốc là 7.610.000đ và xem xét giảm hoặc miễn toàn bộ lãi cho anh. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn, Bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật; Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 124; điều 166, điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Đề nghị tuyên xử:

1. Tuyên bố Giấy bán xe mô tô và Hợp đồng cho thuê xe ngày 28/3/2024 giữa anh Lê Văn T và S là vô hiệu.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của S:

+ Buộc anh Lê Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả S số tiền 7.610.000đ.

+ Buộc S trả lại anh Lê Văn T đăng ký xe mô tô số 34 001932 mang tên Lê Văn T do Công an xã T huyện Kim Thành cấp ngày 12/6/2024 khi anh T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của S về việc buộc anh T phải trả tiền lãi, tiền phí theo dõi, phí phạt trễ hạn, phí hao mòn, quản lý tài sản từ thời điểm vay ngày 28/3/2024 cho đến khi tòa án xét xử (ngày 26/4/2025) là: 8.794.000 đồng.

3. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty S phải chịu án phí đối với yêu cầu về suất không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo hợp đồng dân sự nên quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn hiện đang cư trú và sinh sống tại xã T, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.3 Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 28/3/2024 S ký hợp đồng cho thuê xe với anh T, do anh T đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê xe hàng tháng nên ngày 18/10/2024 S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đảm bảo thời hiệu theo quy định tại điều 429 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3 Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Xem xét về nội dung Giấy bán xe mô tô và Hợp đồng cho thuê xe ngày 28/3/2024 giữa anh Lê Văn T và S:

S và anh Lê Văn T đều xác định giữa anh T có giao dịch vay số tiền 7.610.000đ của S (bao gồm cả số tiền vay cùng phí). Việc ký giấy bán xe HONDA – Wawe A màu đen biển số 34AS-279.10 và hợp đồng cho thuê xe giữa anh T và S chỉ nhằm mục đích đảm bảo khoản tiền vay chứ không phải anh T bán xe mô tô cho S, sau đó S cho anh T thuê lại chiếc xe mô tô nêu trên. Do vậy trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu anh T phải trả lại chiếc xe mô tô, chỉ yêu cầu anh T phải trả số tiền đã vay cùng tiền lãi, phí; tuy nhiên cần phải xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng bán xe và thuê xe mô tô nêu trên giữa anh T và S để đảm bảo việc giải quyết vụ án được đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích Hợp pháp của các đương sự.

Trên cơ sở sự thừa nhận của các đương sự cũng như các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp; có căn cứ xác định: Giấy bán xe mô tô và Hợp đồng cho thuê xe ngày 28/3/2024 giữa anh Lê Văn T và S là giả tạo nhằm che giấu việc vay tiền giữa anh T và S nên 02 Hợp đồng này vô hiệu theo quy định tại khoản 1 điều 124 BLDS.

Tuy nhiên giao dịch vay tiền của anh T với S không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội cũng như không vi phạm về chủ thể nên việc vay tiền giữa công ty S và anh T vẫn có hiệu lực.

2.2 Nghĩa vụ hoàn trả:

Do xác định Giấy bán xe mô tô và Hợp đồng cho thuê xe ngày 28/3/2024 giữa anh Lê Văn T và S là vô hiệu; xác định cho anh T vay số tiền 7.610.000đ (bao gồm cả phí phát sinh) của S. Anh T vẫn là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng chiếc xe mô tô; S đang quản lý đăng ký chiếc xe mô tô nêu trên. Do xác định hợp đồng cho thuê xe vô hiệu, còn giao dịch cho vay bị che giấu vẫn có hiệu lực nên cần buộc anh T phải trả S số tiền 7.610.000đ và buộc S phải trả lại anh T đăng ký xe mô tô số 34 001932 mang tên Lê Văn T do Công an xã T huyện Kim Thành cấp ngày 12/6/2024 sau khi anh T trả nợ xong.

Việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ áp dụng quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về yêu cầu lãi, phí đối với số tiền vay của Nguyên đơn:

Quá trình giải quyết, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiền lãi suất đối với số tiền vay theo quy định của pháp luật và tiền phí theo quy định của S. Tính đến ngày xét xử (24/6/2025) S yêu cầu anh T phải thanh toán tổng số tiền 16.404.000 đồng bao gồm: Tiền cho vay là 7.610.000 đồng; phí theo dõi, phí phạt trễ hạn, phí hao mòn, quản lý tài sản là: 8.794.000 đồng.

Tuy nhiên, tại thời điểm anh T vay tiền của S thì giữa các bên không thỏa thuận về tính lãi suất đối với số tiền vay; tiền phí phát sinh từ việc thuê xe mô tô chỉ được thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê xe mô tô khi giữa các bên ký kết hợp đồng cho thuê xe.

Do xác định Giấy bán xe mô tô và hợp đồng cho thuê xe vô hiệu nên thỏa thuận về phí thuê xe cũng đương nhiên không có hiệu lực nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của S buộc anh T phải trả tiền lãi, phí .

[4] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí đối với phần lãi suất, phí không được chấp nhận; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 điều 124; Điều 158, 166, 274, 278, 279, 280, 351, 357, 463, 464, 466; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

2. Xử:

2.1 Xác định: Giấy bán xe mô tô và Hợp đồng cho thuê xe ngày 28/3/2024 giữa anh Lê Văn T và S là vô hiệu.

2.2 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S: Buộc anh Lê Văn T phải thực hiện nghĩa vụ trả Công ty Cổ phần S số tiền 7.610.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3 Buộc Công ty Cổ phần S trả lại anh Lê Văn T đăng ký xe mô tô số 34 001932 mang tên Lê Văn T do Công an xã T huyện Kim Thành cấp ngày 12/6/2024 sau khi anh T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ số tiền 7.610.000 đồng cho Công ty Cổ phần S.

2.4 Không chấp nhận yêu cầu của S về việc buộc anh T phải trả tiền lãi, tiền phí theo dõi, phí phạt trễ hạn, phí hao mòn, quản lý tài sản từ thời điểm vay ngày 28/3/2024 cho đến khi tòa án xét xử (ngày 26/4/2025) là: 8.794.000 đồng.

3. Về án phí:

- Công ty Cổ phần S phải chịu 439.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm; được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0006651 ngày 18/3/2025. Công ty Cổ phần S phải tiếp tục thi hành khoản tiền án phí 139.700 đồng còn lại.

- Anh Lê Văn T phải chịu 380.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Anh T chưa thực hiện nghĩa vụ nộp án phí).

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6; 7; 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi gửi:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa